

Bảo đảm thực thi quyền con người ở Việt Nam là không thể phủ nhận

TS TRẦN THỊ BÌNH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: tranbinh0607@gmail.com

Nhận ngày 14 tháng 12 năm 2022; chấp nhận đăng tháng 2 năm 2023.

Tóm tắt: Ở Việt Nam, đường lối chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước luôn nhằm bảo đảm các quyền con người, quyền công dân và chăm lo cho hạnh phúc của mọi người dân cũng như sự phát triển tự do của mỗi người. Những nội dung quan trọng này không chỉ được khẳng định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng như Văn kiện Đại hội của Đảng, được thể chế hóa bằng Hiến pháp và pháp luật, mà còn được triển khai nghiêm túc trên thực tế.

Từ khóa: thực thi; quyền con người; Việt Nam.

Abstract: In Vietnam, the Party's guidelines as well as policies and laws of the State are always aimed at ensuring human rights, citizenship, caring for the happiness and natural development of all people. These important contents were affirmed in the Party's first political credo in 1930, the Credo for building the country during the transition to socialism in 1991 and its supplemented and developed version in 2011, Document of the Party Congress. They are also institutionalized by the Constitution and laws and seriously implemented in practice.

Keywords: exercising; human rights; Vietnam.

1. Quyền con người theo tư tưởng Hồ Chí Minh được hiện định

Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người được hình thành và phát triển, gắn liền với cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, có kế thừa những giá trị nhân văn Việt Nam truyền thống, các giá trị thời đại trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Vì con người, tôn trọng và bảo vệ quyền con người là nội dung cốt lõi xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người. Biện chứng trong tư tưởng Hồ Chí Minh là quyền con người (quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc) và cao hơn nữa đó là quyền làm chủ,

bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hóa, đi lại, cư trú, sở hữu tài sản, tự do tín ngưỡng và tôn giáo... luôn gắn với quyền dân tộc tự quyết.

Quyền con người chỉ được thực thi, bảo đảm tại một quốc gia độc lập, tự do, có chủ quyền. Vì thế, Người không chỉ bôn ba, trải nghiệm để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, tiến hành sự nghiệp giải phóng để giải phóng dân tộc mình mà còn khát khao giải phóng các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc; không chỉ đấu tranh cho quyền của mỗi con người, mà còn nỗ lực thực thi quyền con người trong từng điều kiện cụ thể, phù hợp với thực tiễn. Người đã sáng lập Đảng Mácxít - Lêninnít để lãnh đạo nhân dân Việt Nam đấu tranh giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, đồng

thời trong suốt quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam, Người và Đảng luôn quan tâm thực thi quyền con người (vấn đề dân sinh, dân chủ, dân quyền...) gắn với nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến, phù hợp với mỗi giai đoạn cụ thể của đất nước.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, những quyền cơ bản của con người được khẳng định trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, như: “a) Dân chúng được tự do tổ chức. b) Nam nữ bình quyền, v.v.. c) Phổ thông giáo dục theo công nông hóa... f) Thi hành luật ngày làm 8 giờ”⁽¹⁾, trong tuyên ngôn, chương trình, Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh (1941) như: 1) Quyền về chính trị: quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ, quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, quyền bình đẳng dân tộc, nam nữ bình quyền...; 2) Quyền về kinh tế: bỏ các loại thuế, dân chúng tự do khai khẩn đất hoang, quan thuế độc lập...; 3) Quyền về văn hóa: được học hành, được dùng tiếng mẹ đẻ; có các trường chuyên môn để đào tạo nhân tài, tạo điều kiện để trí thức phát triển tài năng; 4) Quyền về xã hội: thi hành ngày làm tám giờ, người dân được chăm sóc tại bệnh viện, trẻ em được chăm sóc⁽²⁾... Tiếp đó, những quyền này được nêu trong Nghị quyết của Quốc dân Đại hội Tân Trào (1945) về “ban bố những quyền của dân cho dân: Nhân quyền, Tài quyền (quyền sở hữu), Dân quyền: quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ (tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, đi lại), dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền”⁽³⁾. Thực tế, những quyền này đã được thực hiện tại Khu giải phóng Việt Bắc gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số vùng thuộc ngoại tỉnh Bắc Giang, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái...

Sau khi nước nhà giành được độc lập, Tuyên ngôn độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo, công bố trước quốc dân và thế giới đã không chỉ nhấn mạnh: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những

quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”⁽⁴⁾ và rằng “*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*”⁽⁵⁾, mà còn khẳng định “toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”. Thực thi tinh thần đó, cùng với việc tập trung chống “giặc ngoại xâm”, ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 3.9.1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra 6 nhiệm vụ cấp bách⁽⁶⁾; trong đó trọng tâm là các nhiệm vụ: 1) Phải “có một Hiến pháp dân chủ”. 2) “Tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống, v.v..”. 3) Chúng ta “có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân”; 4) “Thuế thân, thuế chợ, thuế đò là một lối bóc lột vô nhân đạo. Tôi đề nghị bỏ ngay ba thứ thuế ấy”; 5) Thực hiện “TÍN NGƯỠNG TỰ DO và lương giáo đoàn kết”...

Với thành công của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam độc lập ngày 6.1.1946, Quốc hội khóa I - Quốc hội lập hiến được thành lập và bản Hiến pháp 1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì đã được soạn thảo và thông qua. Trong những năm sau đó, để quyền con người được thực thi và bảo đảm, việc triển khai xây dựng hệ thống chính quyền “mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân”, triển khai xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng đều nhất quán được thực hiện trên tinh thần: “NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”⁽⁷⁾, nên “việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến

dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”⁽⁸⁾ như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định. Đồng thời, các bản Hiến pháp (từ Hiến pháp 1946 đến Hiến pháp 2013) đều chú trọng nguyên tắc cơ bản, đó là “bảo đảm quyền tự do dân chủ của nhân dân”.

Cụ thể, Hiến pháp năm 1946 đã thể hiện tư tưởng tiến bộ, nhân văn về một nhà nước kiểu mới, trong đó xác định rõ mối quan hệ giữa các cơ quan trong bộ máy Nhà nước, xác lập quyền con người, quyền công dân, quyền dân chủ để nhân dân thực hiện quyền làm chủ đất nước và thụ hưởng những giá trị đích thực của “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”. Hiến pháp năm 1946 đã dành cả chương II nói về “*Nghĩa vụ và quyền lợi công dân*”, gồm 18 điều; quy định cụ thể các quyền dân sự, chính trị cũng như các quyền về kinh tế, văn hóa và xã hội như: Về nghĩa vụ, mỗi công dân Việt Nam phải bảo vệ Tổ quốc; tôn trọng Hiến pháp; tuân theo pháp luật (Điều 4). Về quyền lợi: “Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hoá” (Điều 6); “Tất cả công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật” (Điều 7); “Công dân Việt Nam có quyền: tự do ngôn luận; tự do xuất bản; tự do tổ chức và hội họp; tự do tín ngưỡng; tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài” (Điều 10); “Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung” (Điều 8); “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện” (Điều 9); “Những người công dân già cả hoặc tàn tật không làm được việc thì được giúp đỡ. Trẻ con được săn sóc về mặt giáo dỡng” (Điều 14); “Học trò nghèo được Chính phủ giúp” (Điều 15)...

Hiến pháp năm 1959 dành chương III để nói về “*Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân*”, gồm 21 điều và đã mở rộng phạm vi hưởng quyền của nhân dân thêm nhiều lĩnh vực. Đó là, bổ sung thêm một số quyền công dân trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội trên cơ sở kế thừa những quy định đã có từ Hiến pháp năm 1946 như:

Quyền được pháp luật bảo hộ hôn nhân và gia đình (Điều 24); quyền được bảo hộ bà mẹ và trẻ em (Điều 24); quyền biểu tình (Điều 25); quyền khiếu nại, tố cáo (Điều 29); quyền làm việc (Điều 30); quyền nghỉ ngơi (Điều 31); quyền được giúp đỡ về vật chất khi già yếu, bệnh tật (Điều 32)...

Trong Hiến pháp năm 1980, “*Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân*” gồm 29 điều được chế định tại Chương V. Trong đó, quyền và nghĩa vụ của công dân được thể hiện ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ hơn, có tiếp thu chọn lọc và kế thừa các quy định từ các bản Hiến pháp trước đó, như bổ sung quyền có quốc tịch Việt Nam (Điều 53); quyền tham gia quản lý công việc của Nhà nước và của xã hội (Điều 56); quyền có việc làm (Điều 58); quyền được bảo hiểm xã hội (Điều 59); quyền được bảo vệ sức khỏe, khám chữa bệnh không phải trả tiền (Điều 61); quyền có nhà ở (Điều 62)...

Đặc biệt, Hiến pháp năm 1992, “*Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân*” được ghi nhận tại Chương V, gồm 34 điều. Quyền công dân ở được mở rộng và bổ sung thêm nhiều quyền mới trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội lần đầu được ghi nhận, như: quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật (Điều 57); quyền của cá nhân được suy đoán vô tội (Điều 72)...

Đến Hiến pháp năm 2013, vấn đề quyền con người, quyền công dân được chế định tại chương II với tên gọi “*Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân*”, gồm 36 điều (từ Điều 14 đến Điều 49). Trong đó, Hiến pháp năm 2013 đã quy định thêm nhiều quyền mới, mở rộng cả về phạm vi quyền và nội dung của quyền, như quyền sống (Điều 21); quyền của công dân không bị trục xuất, giao nộp cho nước khác (Điều 17 khoản 2); quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người, hiến xác (Điều 20); quyền có nơi ở hợp pháp (Điều 22); quyền hưởng an sinh xã hội (Điều 34); các quyền về văn hóa (Điều 41); quyền xác định dân tộc, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42);...

2. Việt Nam luôn nỗ lực thực thi và đảm bảo quyền con người

Trong một nước dân chủ và “địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ” như Việt Nam, mọi chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đều là vì nhân dân phụng sự; bảo đảm các quyền con người, quyền công dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân và nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua hoạt động của Nhà nước, của hệ thống chính trị với các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thì việc thực thi quyền và nghĩa vụ công dân điều do Hiến pháp và pháp luật quy định, được thực thi trên tinh thần “trăm điều phải có thần linh pháp quyền”⁽⁹⁾.

Vì thế, trong những năm cả nước cùng đồng thời thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược: tiến hành công cuộc xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước, quyền con người không chỉ được hiến định trong Hiến pháp mà còn được ghi nhận tại các đạo luật như: Luật Bảo đảm quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của nhân dân; Luật Quy định quyền lập hội; Luật Quy định quyền tự do hội họp; Luật Công đoàn; Luật về Chế độ báo chí; Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Hội đồng Chính phủ, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân... Hệ thống pháp luật đó thể hiện rõ tư tưởng tất cả quyền lực nhà nước thực sự thuộc về nhân dân; trong đó, nhân dân vừa là đối tượng, mục đích mà nhà nước phục vụ, vừa là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước; nhân dân được thụ hưởng và có nghĩa vụ đối với vị thế là chủ, làm chủ đất nước của mình.

Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) kết thúc thắng lợi, cả nước thống nhất cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; nhất là từ năm 1986 - khi Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, việc xây dựng và

ban hành những đạo luật trực tiếp liên quan tới lĩnh vực quyền con người như: Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân, Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Đặc xá, Luật Bảo hiểm xã hội, v.v.. không chỉ làm cho hệ thống pháp luật Việt Nam ngày càng được bổ sung, hoàn chỉnh hơn để thực thi và bảo đảm quyền của người dân tốt hơn, hiệu quả hơn, mà còn thể hiện rõ sự luật hóa những Công ước Quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã phê chuẩn, tham gia từ thập niên 1980 đến nay.

Việt Nam không chỉ nỗ lực trong việc hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật về bảo đảm và thúc đẩy quyền con người, trong hơn 77 năm qua, Đảng và Nhà nước luôn đẩy mạnh việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nhân quyền, đặc biệt việc tham gia thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người, thể hiện rõ quyết tâm, nỗ lực của Việt Nam trong việc bảo đảm các chuẩn mực chung về quyền con người cho người dân Việt Nam, công dân Việt Nam. Cụ thể, Việt Nam không chỉ tham gia đầy đủ các Công ước quốc tế cơ bản của Liên hợp quốc về quyền con người như: Công ước Ginevơ về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột quốc tế; Công ước quốc tế về ngăn ngừa và trừng trị tội ác diệt chủng (1948); Công ước về các quyền dân sự và chính trị (1966); Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (1966); Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (1979); Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (1969); Công ước quốc tế về ngăn chặn và trừng trị tội ác Apácthai (1973); Công ước về quyền trẻ em (1989) và hai nghị định thư bổ sung về trẻ em trong xung đột vũ trang và chống sử dụng trẻ em trong các hoạt động mại dâm và tranh ảnh khiêu dâm; Công ước về quyền của người khuyết tật (2006); Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (2000)... mà còn thể hiện vai trò là thành viên tích cực trong các diễn đàn, hội nghị khu vực và quốc tế trong lĩnh vực nhân quyền, cùng thế giới

thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Báo cáo của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) năm 2018 ghi nhận Việt Nam thuộc nhóm trung bình cao về Chỉ số phát triển con người (xếp hạng 116/189 quốc gia); Chỉ số bình đẳng giới (xếp hạng 67/160 quốc gia)...

Việc thực thi Hiến pháp, pháp luật về quyền con người ở Việt Nam được Đảng và Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Cụ thể, từ khi Hiến pháp năm 2013 được thông qua đến nay, công tác cải cách pháp luật, hoàn thiện thể chế, chính sách đã được đẩy mạnh với hơn 100 luật, bộ luật có liên quan đến quyền con người được ban hành mới, hoặc sửa đổi, bổ sung. Đặc biệt, việc Quốc hội đã thông qua Bộ luật Lao động (sửa đổi) ngày 20.11.2019, với nhiều quy định mới, bảo đảm tốt hơn quyền của người lao động, cơ bản tương thích với các điều ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO). Cùng với đó, người dân có thể tham gia trực tiếp và thụ hưởng quyền về dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội qua Quốc hội, qua các đoàn thể chính trị - xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng, v.v.. Điều đó cho thấy chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam không chỉ nhất quán, rõ ràng, ngày càng được hoàn thiện, mà còn được thực hiện bằng nhiều biện pháp, mang lại kết quả cụ thể.

Những thành tựu về thực thi và bảo đảm quyền con người của Việt Nam trong hành trình đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, nhất là trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận. Việc mọi người dân Việt Nam đều được thụ hưởng ngày càng đầy đủ hơn quyền tham gia về chính trị, văn hóa; quyền được sống, có ăn, có mặc, có nhà ở, được chăm sóc sức khỏe; quyền về giáo dục, đào tạo; quyền tự do kinh doanh... là bằng chứng thuyết phục để Việt Nam được bầu làm thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2014 - 2016. Trong những năm đảm nhiệm vai trò đó, Việt Nam luôn là một thành viên có trách nhiệm, chủ

động, tích cực và xây dựng trong thực hiện cơ chế UPR; trong đối thoại thẳng thắn với các nước tại phiên bảo vệ UPR; trong thực hiện nghiêm túc các khuyến nghị mà Việt Nam chấp thuận... Đồng thời, Việt Nam cũng tích cực, chủ động trong việc điều phối lập trường của các nước ASEAN ở Hội đồng Nhân quyền, thay mặt ASEAN phát biểu các đề mục ở Hội đồng này và luôn đề cao phương châm đối thoại và hợp tác, tránh đối đầu, chính trị hóa trong vấn đề quyền con người...

Có một sự thật cũng cần phải khẳng định là, quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam được thực thi khi nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng việc thực hiện các quyền tự do, dân chủ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Ở Việt Nam không có chuyện Nhà nước “ngăn cấm quyền tự do, ngôn luận của người dân”, lại càng không có việc đàn áp, bắt bớ những người “tâm huyết đóng góp ý kiến với Đảng và Nhà nước”. Vì nếu thực sự Nhà nước “ngăn cấm” quyền tự do ngôn luận, thì tại sao các ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội... vào quá trình hoàn thiện Hiến pháp 2013 và những ý kiến tâm huyết của các tầng lớp nhân dân, của kiều bào ở nước ngoài đóng góp vào Dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng lại được tập hợp đầy đủ và đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng như vậy!

Đặc biệt, Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023 - 2028 phê duyệt ngày 14.9.2022 sẽ được thực thi trên 63 tỉnh, thành phố trong cả nước và tổ chức truyền thông trực tiếp, trực tuyến, hướng tới một số địa bàn có đông người Việt Nam sinh sống; tới một số địa bàn ưu tiên phát triển quan hệ đối ngoại của Đảng và Nhà nước và trụ sở của các cơ quan quyền con người quốc tế như New York (Mỹ), Geneve (Thụy Sĩ), Bangkok (Thái Lan)... Đề án này không chỉ giúp cho người dân trong nước, đồng bào ở nước ngoài và bạn bè quốc tế hiểu rõ về quan điểm, chủ trương, nỗ lực và kết quả đạt được của Việt Nam trong công tác bảo vệ và thúc

đẩy quyền con người; nâng cao uy tín của Việt Nam trong lĩnh vực quyền con người ở phạm vi trong nước, khu vực và trên thế giới, mà còn cho thấy nỗ lực của Việt Nam trong thực thi quyền con người nhất quán từ chủ trương, chính sách đến thực tiễn. Đây cũng là một minh chứng sinh động cho thấy Việt Nam ngày càng nỗ lực bảo vệ quyền con người và cải thiện cuộc sống của người dân, hiện thực hóa nội dung “nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”⁽¹⁰⁾ được khẳng định tại Đại hội XIII của Đảng.

Ở Việt Nam, quyền con người được xác định là giá trị chung của nhân loại; con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nên Việt Nam không chỉ đủ tiêu chuẩn mà còn xứng đáng và tiếp tục có những đóng góp tích cực khi đã được bầu làm thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023-2025. Việc Việt Nam lần thứ 2 được bầu làm thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc không chỉ cho thấy những nỗ lực của Việt Nam trong thực thi quyền con người, bảo đảm quyền con người, bất chấp những luận điệu xuyên tạc, bịa đặt của các thế lực thù địch, mà còn khẳng định nhất quán tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người đã được thực hiện và ngày càng được bảo đảm ở Việt Nam; đồng thời, bác bỏ các quan điểm sai trái của các lực lượng thù địch đã phủ nhận, xuyên tạc, vu khống tình hình nhân quyền ở Việt Nam thời gian qua.

Việt Nam đã, đang và tiếp tục nỗ lực thực thi quyền con người, bảo đảm quyền con người; đồng thời cũng luôn chủ động đấu tranh, phản bác những luận điệu, thông tin sai lệch, thù địch về tình hình thực thi nhân quyền trong nước. Những người như Phạm Thị Đoan Trang, Phạm Chí Dũng, Cấn Thị Thêu, Nguyễn Tường Thụy, Lê Dũng Vova, Bùi Tuấn Lâm... không phải là “tù

nhân lương tâm”, cũng không phải là những người bị bắt và phải chịu hình phạt tù là do “bắt đồng chính kiến”, mà đó là những người đã có các hành vi “tuyên truyền, làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, theo Điều 117, Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hiến pháp và pháp luật Việt Nam quy định rõ, nên bất cứ cá nhân, tổ chức nào vi phạm pháp luật, làm tổn hại đến an ninh quốc gia thì đều phải xử lý nghiêm minh. Chứ đó không phải là vì Việt Nam không thực thi quyền con người, không có dân chủ; càng không phải vì Việt Nam là chế độ cộng sản do một Đảng độc quyền lãnh đạo, nên đã “bắt buộc toàn dân phải nghe theo lời nói của mình”/nên không có “dân chủ, nhân quyền”/nên quyền con người không được thực thi như các thế lực thù địch tung tin, bịa đặt trên mạng xã hội.

Vì vậy, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam đều là vì nhân dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân nói chung, thực thi và bảo đảm quyền con người nói riêng. Các nỗ lực và thành tựu của Việt Nam trong việc tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người là chủ trương nhất quán, đã và đang được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Cho nên, mọi sự xuyên tạc, bẻ cong sự thật cũng như vu khống Việt Nam không thực thi và bảo đảm quyền con người đều là những luận điệu phản động cần phải nhận diện và bác bỏ!

(1) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H., T.3, tr.1-2.

(2), (3) Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., T.7, tr.150-151, 560.

(4), (5), (6), (8) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H., T.4, tr.1, 1, 6-8, 65.

(7) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H., T.6, tr.232.

(9) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H., T.1, tr.473.

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật., Hà Nội, T.1, tr.27-28.